

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Hà Nội, tháng 04/2011

  1/43  

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất được chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Thiết kế Công nghiệp Hoá chất thành Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất hoạt động, được Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2010 tại Hà Nội; Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua ngày 08/04/2011.

Điều lệ này thay thế Điều lệ được Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2005; được sửa đổi bổ sung lần 1 tại Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 30 tháng 03 năm 2007; được sửa đổi bổ sung lần 2 tại Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 31 tháng 03 năm 2008.

  2/43   

II * I CÔNG NGHIỆP / 11

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
 - b) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.
 - c) "Ngày thành lập" là ngày Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty được đăng ký lần đầu: ngày 24/02/2006 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.
 - d) Đơn vị thuộc Công ty gồm: Văn phòng Đại diện, Chi nhánh, Trung tâm, Phòng, Xí nghiệp.
 - đ) "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó giám đốc Công ty; Kế toán trưởng Công ty; Giám đốc, Phó giám đốc Chi nhánh; Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm; Trưởng Phòng, Phó Trưởng Phòng; Giám đốc, Phó Giám đốc Xí nghiệp.
 - e) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - g) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng chỉ nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.



CHƯƠNG II TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Tên tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CECO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: 21A Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại: (84 - 4) 38.455.777.
- Fax: (84 - 4) 38.232.325
- Website: www.ceco.com.vn
- E-mail: engineering@ceco.com.vn

- Biểu tượng:



4. Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện, Xí nghiệp sản xuất tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong phạm vi Pháp luật cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 41 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

4/43

CHƯƠNG III

LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Điều 3. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và mục tiêu của công ty

1. Lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

1.1. Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;

1.2. Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng;

1.3. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;

1.4. Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất;

1.5. Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);

1.6. Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài;

1.7. Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng);

1.8. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

1.9. Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan;

1.10. Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường;

1.11. Đánh giá tác động môi trường;

1.12. Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp;

1.13. Xử lý chất thải công nghiệp;

1.14. Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;

1.15. Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;

1.16. Thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan;

- 1.17. Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- 1.18. Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp;
- 1.19. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- 1.20. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- 1.21. Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- 1.22. Phá dỡ;
- 1.23. Chuẩn bị mặt bằng;
- 1.24. Lắp đặt hệ thống điện;
- 1.25. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- 1.26. Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- 1.27. Hoàn thiện công trình xây dựng;
- 1.28. Hoạt động tư vấn quản lý;
- 1.29. Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;
- 1.30. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- 1.31. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- 1.32. Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp;
- 1.33. Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- 1.34. Ngành nghề được bổ sung trong quá trình hoạt động của Công ty.

2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

a) Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh như quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật, và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

b) Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và Pháp luật cho phép.

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng phát triển hoạt động nghiên cứu - phát triển, sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty, thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế chính trị đất nước.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 4. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, Công ty đã phát hành các loại cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng và cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này.

a) Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng là cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty, cổ phần của cổ đông sáng lập.

b) Cổ phần tự do chuyển nhượng: là cổ phần không nằm ở mục a nêu trên.

2. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **17.579.520.000 VNĐ** (mười bảy tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng Việt Nam). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.757.952 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam (trong đó cổ phần Nhà nước chiếm 52,76%).

3. Cổ đông sáng lập là những cổ đông hội tụ đủ các điều kiện sau:

a) Tham gia Đại hội cổ đông thành lập để thông qua Điều lệ lần đầu tiên của Công ty;

b) Cùng nhau cam kết nắm giữ ít nhất hai mươi phần trăm (20%) số cổ phần được quyền chào bán của Công ty trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập;

c) Là thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên của Công ty.

4. Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Việc phát hành thêm các loại cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ hiện tại của từng cổ đông. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và thời hạn đăng ký mua và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua. Hội đồng Quản trị Công ty sẽ quyết định phương án phân phối nốt số lượng cổ phần chưa chào bán hết sau khi phân phối cho các cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối hoặc trao quyền mua số lượng cổ phần chưa phân phối hết cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy phù hợp, miễn là số lượng cổ phần đó không được bán cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện ưu tiên hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.

5. Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính Công ty. Việc mua lại cổ



phần của Công ty phải do Hội đồng Quản trị quyết định và phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng Quản trị chào bán phù hợp với các quy định của Pháp luật.

6. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu và các quyền kèm theo trái phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của Công ty. Việc phát hành trái phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu quy định của Bộ Tài chính nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và quản lý thống nhất dưới dạng bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.

2. Các thông tin về cổ đông như quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được cấp cho cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu hợp pháp cổ phần của cổ đông với Công ty.

3. Đối với những cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại công ty Chứng khoán hoặc mua cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, thì quyền sở hữu đối với cổ phiếu của Công ty được xác nhận theo các quy định của Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

4. Công ty cũng có thể phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ vật chất theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chuyển nhượng cổ phần

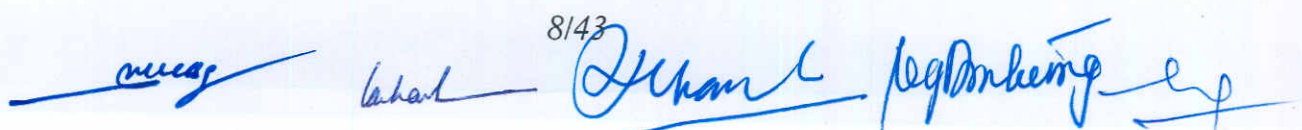
1. Các loại cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần phải theo đúng quy trình quản lý, chuyển nhượng cổ phần do Công ty ban hành.

3. Khi cổ phiếu của Công ty được lưu ký tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thì sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Các thành viên Hội đồng Quản trị không được thế chấp, cầm cố hay chuyển nhượng cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian đương nhiệm và trong vòng một năm kể từ khi không còn là thành viên Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp đặc biệt do Hội đồng Quản trị chấp thuận. Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị được ưu tiên chuyển nhượng trong các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm đảm bảo duy trì tỷ lệ nắm giữ trong Hội đồng Quản trị.

8/43



Điều 7. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật về Thừa kế và các quy định khác có liên quan.

2. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

a) Người thừa kế duy nhất theo luật định;

b) Trường hợp có nhiều người cùng hàng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng theo đúng quy định Pháp luật. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.

5. Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 8. Thu hồi Cổ phần

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, thì Hội đồng Quản trị sẽ thông báo cho cổ đông và yêu cầu thanh toán số tiền mua cổ phần. Thông báo của Hội đồng Quản trị sẽ nêu rõ số tiền, thời hạn và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần.

2. Trường hợp cổ đông không thanh toán toàn bộ số tiền trong thời hạn và địa điểm mà Hội đồng Quản trị yêu cầu, thì Hội đồng Quản trị sẽ thu hồi toàn bộ số lượng cổ phần đó. Trường hợp cổ đông thanh toán một phần, thì Hội đồng Quản trị sẽ thu hồi số lượng cổ phần chưa thanh toán.

3. Trường hợp tại thời điểm thu hồi cổ phần mà Công ty đã công bố trả cổ tức nhưng chưa chi trả, thì các cổ phiếu bị Hội đồng Quản trị quyết định thu hồi sẽ không được quyền nhận cổ tức, mặc dù Công ty đã công bố chia cổ tức.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ được giao nộp về Công ty và trở thành tài sản của Công ty và có thể được phân phối lại cho các đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với số lượng cổ phần bị thu hồi.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.
5. Văn phòng đại diện, Chi nhánh, Phòng, Trung tâm, Xí nghiệp.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, có quyền và nghĩa vụ theo điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một Phiếu biểu quyết. Cổ đông có thể biểu quyết trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người khác biểu quyết phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;

b) Nhận cổ tức hàng năm theo mức do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

d) Được ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ nắm giữ, khi Công ty phát hành thêm cổ phần;

đ) Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính mình trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình, nếu cổ đông có đủ tư cách tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty;

e) Trường hợp Công ty phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định trong Luật Phá sản;

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;

h) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm

10/43



(10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:

- a) Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các khoản 3 Điều 20 và khoản 3 Điều 31 của Điều lệ này;
- b) Yêu cầu triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường;
- c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

- 1. Tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy chế; các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- 2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã góp vào Công ty;
- 3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông và Hội nghị Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 2. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông: Là các kỳ họp của Đại hội đồng cổ đông. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bao gồm Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng Quản trị triệu tập và được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính tại địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết và thông qua những vấn đề do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- 3. Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền dự họp Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Cổ đông ủy quyền dự họp theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
- 4. Hội đồng Quản trị triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số liệu trong bảng cân đối kế toán quý, nửa năm hoặc năm của Công ty cho thấy vốn điều lệ của Công ty bị giảm một phần tư (1/4) trở lên;
 - c) Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm từ 3 thành viên trở lên;

d) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan và nêu rõ lý do, mục đích của việc triệu tập;

đ) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Ban Kiểm soát có bằng chứng về việc các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc các cán bộ quản lý của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý hành động hoặc chuẩn bị hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

5. Triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này và theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ của Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập theo yêu cầu.

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông (nêu tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này) yêu cầu có thể tự triệu tập.

d) Chi phí tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Những chi phí này không bao gồm những chi phí mà cổ đông chi tiêu khi tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông và chi phí ăn, ở và đi lại của cổ đông.

Điều 13. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau trong các Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty;
- c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- d) Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán.
- đ) Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau trong các kỳ Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Mức cổ tức hàng năm trả cho từng loại cổ phần, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền kèm theo từng loại cổ phần;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;

- d) Kiểm toán và lựa chọn đơn vị Kiểm toán;
- đ) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- e) Tổng số tiền và mức thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- f) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định;
- g) Phương án phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu;
- h) Sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại và giải thể Công ty;
- i) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- j) Bán tài sản có giá trị trên năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty tính theo giá trị sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;
- k) Mua hoặc mua lại trên mười phần trăm (10%) cổ phần đang lưu hành của Công ty;
- l) Thay đổi quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết và các loại cổ phần ưu đãi khác;
- m) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và ra nghị quyết để thông qua các vấn đề đã được đưa vào chương trình Hội nghị.

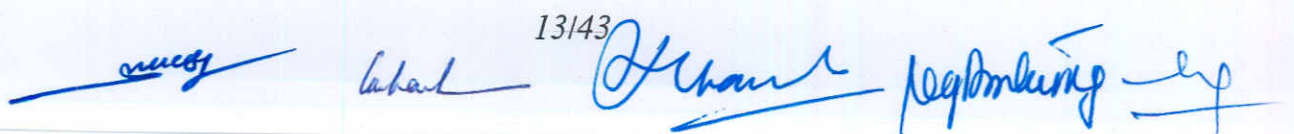
Điều 14. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên so với tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo

13/43



cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty với các đối tượng nêu ở khoản 1 trên.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 15. Đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền chỉ được biểu quyết, bầu cử trong phạm vi ủy quyền, không được ứng cử, đề cử để tham gia vào cơ quan quản lý điều hành Công ty với danh nghĩa cá nhân. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể thỏa thuận và ủy quyền bằng văn bản cho cổ đông khác của Công ty có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật làm đại diện cho nhóm cổ đông đó. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký và dấu (nếu có) hợp pháp của tất cả các cổ đông trong nhóm. Việc thay đổi người đại diện của nhóm cổ đông phải được tất cả các cổ đông trong nhóm nhất trí bằng văn bản.

4. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thì cổ đông này phải gửi cho Hội đồng Quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng Quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo quy định của Pháp luật.

5. Phiếu biểu quyết của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:

- a) Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
- b) Huỷ bỏ việc uỷ quyền;
- c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

6. Các trường hợp trên không có hiệu lực nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Hội nghị và Thông báo về Hội nghị

1. Triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông:

Hội nghị Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo quyết định của Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 12 hoặc điểm c khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông trong vòng ít nhất mười (10) ngày trước ngày tiến hành Hội nghị;
- b) Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;
- c) Thông báo bằng văn bản cho tất cả các cổ đông về việc tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm:

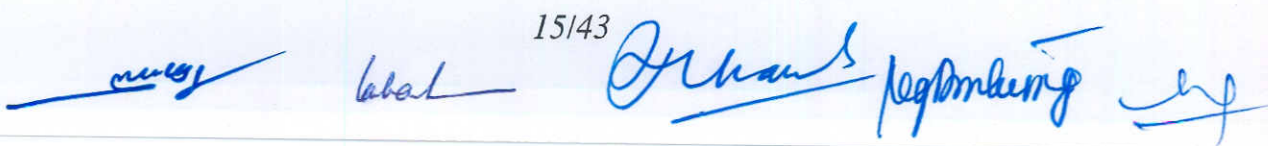
- a) Chương trình Hội nghị.
- b) Các vấn đề sẽ được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.
- c) Thông báo về Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đi trước ngày tổ chức Hội nghị ít nhất bảy (07) ngày, tính từ ngày thông báo được gửi đi hợp lệ.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Thư ký Công ty ít nhất ba ngày trước khi bắt đầu Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Văn bản đề xuất phải ghi rõ họ và tên cổ đông đề xuất, số lượng và loại cổ phần nắm giữ.

5. Người triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 4 Điều 16 nếu:

- a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên;

15/43



- c) Đề xuất không đủ thông tin cần thiết;
- d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua nghị quyết.

6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội.

7. Trường hợp Hội nghị Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung Hội nghị không được đưa vào chương trình một cách hợp lý, thì nghị quyết đã được Hội nghị Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua vẫn được coi là hợp lệ nếu một trăm phần trăm (100%) cổ đông có quyền biểu quyết thông qua.

Điều 17. Tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông và Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ làm Chủ tọa để chủ trì Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ chủ trì.

2. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này, Nghị quyết Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

3. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

4. Chủ tọa Hội nghị Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu các biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Các biên bản Đại hội, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông tham dự và giấy uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại Thư ký Công ty.

5. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi số lượng cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự đại diện cho ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ số lượng tham dự cần thiết, Hội nghị phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Hội nghị thứ nhất. Trong Hội nghị được triệu tập lần thứ hai, số lượng cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự phải đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu Hội nghị thứ hai không thể tiến hành do không đủ số lượng tham dự, Hội nghị thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự kiến Hội nghị lần hai. Trong Hội nghị thứ ba, bất kỳ số lượng cổ đông và đại diện uỷ quyền tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền

quyết định tất cả các vấn đề được đưa ra để thảo luận và thông qua tại Hội nghị.

6. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc người được uỷ quyền đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá ba (03) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

7. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Hội nghị những vấn đề chưa được biểu quyết. Cổ đông đến muộn sẽ không được tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa có quyền phán quyết cao nhất đối với các vấn đề về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

9. Chủ tọa có quyền hoãn Hội nghị Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm trong các trường hợp sau đây:

a) Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội.

b) Có hành vi cản trở hoặc gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn Hội nghị Đại hội đồng cổ đông tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Hội nghị được tổ chức lại sẽ không xem xét các vấn đề ngoài các vấn đề đã đưa vào chương trình thảo luận.

10. Chủ tọa được quyền hành động thích hợp để điều khiển Hội nghị diễn ra hợp lệ, trật tự và phản ánh được ý kiến của đa số đại biểu tham dự.

11. Chủ tọa Hội nghị Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông

1. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành biên bản. Biên bản có các nội dung chính sau đây:

17/43



a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Thời gian và địa điểm Hội nghị Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chủ tọa và Thư ký;

đ) Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông;

g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i) Các quyết định đã được thông qua;

k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được hoàn thiện và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 19. Thông qua Nghị quyết bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

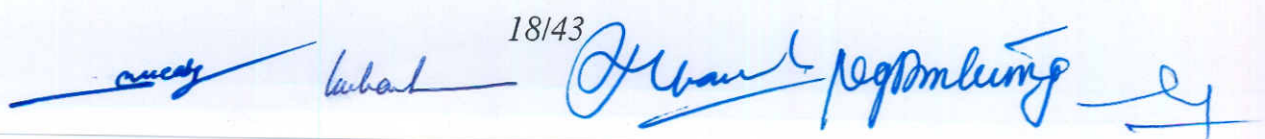
c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

18/43



g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông hoặc thông báo trên Website Công ty trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị có 5 thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị những nhiệm kỳ sau sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

a) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.

b) Là cổ đông cá nhân của Công ty sở hữu tối thiểu năm phần trăm (5%) vốn điều lệ của Công ty hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

c) Không phải là người thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành và là thành viên Hội đồng Quản trị của các doanh nghiệp có ngành nghề sản xuất kinh doanh tương tự của Công ty, trừ trường hợp là người đại diện vốn của CECO tại các doanh nghiệp mà CECO góp vốn.

d) Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty. Việc thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.

5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Hội đồng Quản trị. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trên mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được quyền đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử ba (03) thành viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử năm (05) thành viên.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo

phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 21. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị xin từ nhiệm bằng văn bản;

c) Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật.

d) Thành viên Hội đồng Quản trị trong vòng 12 tháng liên tục không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị mà không có lý do hợp lý và không được Hội đồng Quản trị cho phép;

2. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

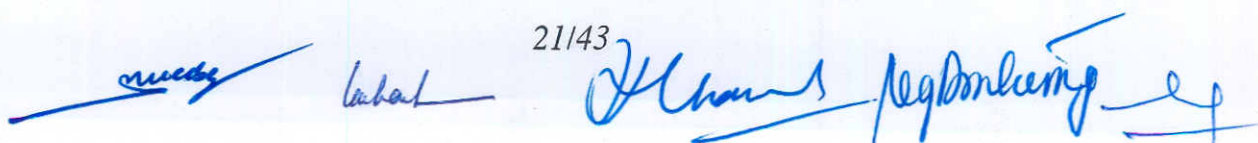
3. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 22. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý khác như nêu ở điểm đ khoản 3 dưới đây.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật, các Quy chế nội bộ của Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:



a) Xác định các mục tiêu và chiến lược hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyết định và giám sát thực hiện kế hoạch hàng năm của Công ty gồm: kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính - đầu tư, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch quản lý năng suất - chất lượng, kế hoạch nghiên cứu khoa học - quản lý tri thức;

c) Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức, nội quy, quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Quyết định thành lập hoặc giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Giám đốc Chi nhánh và Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty. Cho ý kiến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác;

e) Quyết định mức lương của Giám đốc và các cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

g) Đề xuất và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu, và các quyền kèm theo cổ phiếu hoặc trái phiếu. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu.

h) Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời và tổ chức việc chi trả cổ tức.

i) Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

j) Mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác;

k) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu như vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thiết bị và bí quyết công nghệ;

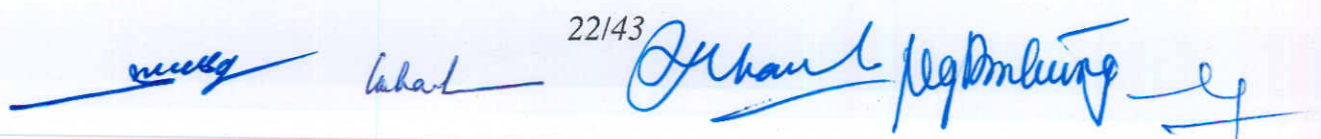
l) Mua lại hoặc thu hồi dưới mười phần trăm (10%) cổ phần của Công ty theo từng loại và quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

m) Chỉ định, bãi nhiệm Đại diện Thương mại và Luật sư của Công ty;

n) Quyết định các biểu trưng thương hiệu, văn hóa công ty;

o) Quyết định khiếu nại và lựa chọn đại diện của Công ty để tiến hành các thủ tục pháp lý khi khiếu nại (nếu có).

p) Hội đồng Quản trị thực hiện những quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Hội đồng Quản trị có quyền quyết định bất kỳ vấn đề nào khác trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

 22/43

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty, trừ trường hợp được quy định do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các trường hợp cụ thể khác được quy định trong quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;

b) Chỉ định và bãi nhiệm Đại diện Thương mại và Luật sư của Công ty;

c) Vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

d) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

đ) Mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác;

e) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu như vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thiết bị và bí quyết công nghệ;

f) Mua lại hoặc thu hồi dưới mười phần trăm (10%) cổ phần của Công ty theo từng loại và quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

g) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần phải quyết định trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các nội dung dưới đây trong năm tài chính:

a) Hoạt động của Hội đồng Quản trị .

b) Hoạt động Giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty (do Hội đồng quản trị bổ nhiệm).

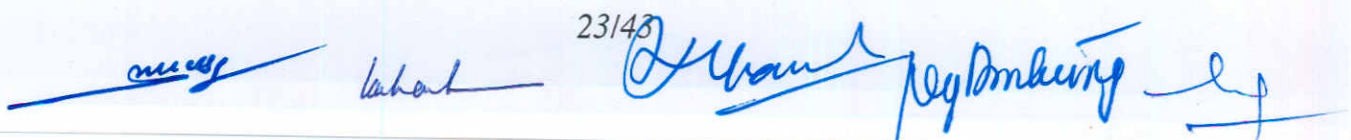
c) Quyết toán tài chính năm. Tình hình hoạt động của Công ty.

6. Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho các thành viên Hội đồng Quản trị đại diện cho Công ty thực hiện vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, trừ khi Pháp luật có quy định khác.

7. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng số tiền và mức thù lao cho Hội đồng Quản trị, cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông không quyết định mức thù lao cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị thoả thuận chia mức thù lao cho từng thành viên, hoặc nếu không thoả thuận thì tổng số tiền thù lao sẽ được chia đều cho các thành viên.

8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền thù lao trả cho mỗi thành viên phải được nêu chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ bất kỳ chức vụ điều hành nào, bao gồm cả Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thành viên Hội đồng Quản trị kiêm những công

23/43


việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

10. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi, khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng Quản trị, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm Giám đốc điều hành.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; lập quy chế phối hợp điều hành Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và báo cáo Hội đồng Quản trị trong kỳ họp sớm nhất.

d) Chủ tịch Hội đồng Quản trị trình Báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của Công ty, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán và Báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

3. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ thay mặt Chủ tịch khi được Chủ tịch uỷ quyền. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng Quản trị được uỷ quyền phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về việc uỷ quyền này.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 24. Họp Hội Đồng Quản trị

1. Họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất kỳ lúc nào nếu cần, và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một lần.

2. Họp Hội đồng Quản trị bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và lý do: Ban Kiểm soát, Giám đốc, tối thiểu năm (05) cán bộ quản lý, hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị phải tiến hành họp bất thường trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản triệu tập họp.

3. Địa điểm họp: Hội đồng Quản trị sẽ tổ chức họp ở những địa chỉ đã

đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác tại Việt Nam do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định và được Hội đồng Quản trị nhất trí.

4. Thông báo và chương trình họp: Các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo họp năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải bao gồm: nội dung chương trình, thời gian, địa điểm họp và những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp; phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên không thể dự họp.

5. Cuộc họp Hội đồng Quản trị chỉ có thể được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

6. Biểu quyết

a) Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc vấn đề mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty như quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.

b) Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị (riêng việc miễn nhiệm Giám đốc Công ty thực hiện theo khoản 7 Điều 26 của Điều lệ này).

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Tuyên bố lợi ích: Khi Hội đồng Quản trị họp để xem xét ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch có lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho thành viên của Hội đồng Quản trị thì thành viên này phải công bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó với Hội đồng Quản trị.

8. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị ký và đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Các thành viên có quyền biểu quyết tại cuộc họp ký;
- b) Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên theo quy định để tiến hành họp ;
- c) Nghị quyết có thể được sao ra nhiều bản và gửi cho từng thành viên ký để thông qua.

9. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị là văn bản xác thực về những vấn đề đã

được bàn bạc và thông qua trong cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp, ký.

10. Mời họp dự thính: Hội đồng Quản trị có thể mời một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời họp dự thính không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 25. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và các Quy chế khác nhằm quản trị Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành của Công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc, một số phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức vụ quản lý theo điểm d khoản 3 Điều 21 Điều lệ này để điều hành Công ty.

2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng Quản trị chấp thuận cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty nhằm thực hiện quản lý Công ty theo đúng yêu cầu của Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực và luôn luôn mặn cán trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu mà Hội đồng Quản trị đề ra.

3. Giám đốc Công ty phải lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua:

a) Kế hoạch tuyển dụng và cắt giảm lao động.

b) Kế hoạch lương và các khoản liên quan đến lương (nếu có), bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, phúc lợi khen thưởng đối với các bộ quản lý và người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và được quy định trong hợp đồng lao động ký với Giám đốc. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc Công ty phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của các cán bộ quản lý khác của Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có tham khảo ý kiến của Giám đốc Công ty và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng cán bộ quản lý nói trên.

Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty

1. Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

26/43



2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị, khi hết nhiệm kỳ thì Hội đồng Quản trị xem xét bổ nhiệm lại. Nếu Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc, thì Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Giám đốc.

3. Giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn sau:

a) Phải tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc các ngành kỹ thuật, kinh tế, quản trị kinh doanh và có trình độ chuyên môn về tư vấn thiết kế, có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý Doanh nghiệp, có ít nhất 05 năm công tác trong ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty, hiểu biết Pháp luật;

b) Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác;

c) Có sức khỏe.

d) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết;

4. Giám đốc không phải là những người sau đây:

a) Người vị thành niên;

b) Người không đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

c) Người đã bị kết án và đang thi hành án;

d) Nhân viên lực lượng vũ trang, cán bộ công chức Nhà nước;

đ) Người mà trước đây từng lãnh đạo Công ty bị phá sản;

e) Người mà trước đó đã có chứng cứ về việc vô tổ chức kỷ luật, không trung thực và tham nhũng.

5. Giám đốc Công ty có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế (trừ các hợp đồng được quy định tại Điều 14 và điểm f khoản 3 Điều 22 phải có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị), tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty;

c) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Kiến nghị Hội đồng quản trị tổ chức bộ máy quản lý điều hành Công ty và số lượng cán bộ quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty. Đề xuất cho Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều kiện khác khi Hội đồng Quản trị ký kết hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý;

27/43

đ) Trừ các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác sau khi xin ý kiến Hội đồng Quản trị;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức của các Chi nhánh Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Trưởng Phòng, phó Trưởng Phòng của Chi nhánh;

g) Sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này, Giám đốc quyết định số lượng người lao động, mức lương và phụ cấp (nếu có), lợi ích và các điều kiện khác liên quan, kể cả đối với số cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty.

h) Xây dựng và đề xuất Hội đồng Quản trị thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác của Công ty trên cơ sở các mục tiêu và chiến lược hoạt động của Công ty;

i) Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;

k) Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm, quý và tháng của Công ty để phục vụ cho việc giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch của Công ty. Các báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và bao gồm những thông tin theo quy định của Pháp luật và Công ty;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, và Hợp đồng lao động của Giám đốc.

6. Báo cáo Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.

7. Bãi nhiệm Giám đốc Công ty: Nếu ít nhất 4/5 số lượng thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết tán thành, thì Hội đồng Quản trị sẽ bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc khác thay thế.

Điều 27. Thư ký Công ty

Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty và quyết định chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty bất kỳ lúc nào nhưng không được vi phạm Luật Lao động hiện hành. Chức năng, nhiệm vụ và quyền lợi của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Lập biên bản các cuộc họp.



3. Tư vấn về thủ tục cho các cuộc họp.
4. Cung cấp thông tin theo quy định cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
5. Đôn đốc các chức danh quản lý của Công ty thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của Hội đồng quản trị. Biên tập, tổng hợp biên bản, tài liệu để quản lý và lưu giữ.
6. Được hưởng mức thù lao do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 28. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cán bộ quản lý Công ty

Tất cả các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác; không được chuyển tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty không được trục lợi từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không lợi dụng cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, không được sử dụng những thông tin quản trị của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ cho lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

Điều 29. Tránh xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị khi được hưởng hoặc dự kiến được hưởng những lợi ích mà có thể xung đột với lợi ích Công ty từ các hợp đồng, giao dịch, pháp nhân hoặc cá nhân nào bất kỳ. Chỉ khi các thành viên Hội đồng Quản trị không liên quan đến các lợi ích đó nhất trí, thì các thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý có liên quan mới được hưởng những lợi ích đó.
2. Công ty không cho vay hoặc bảo lãnh các khoản vay của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty và những người có liên quan với họ, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty hoặc người có liên quan với họ không được phép mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Công ty, khi họ có những thông tin mà chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó trong khi các cổ đông khác không có những thông tin như vậy.

Điều 30. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại khi:

- a) Hành động không trung thực;
- b) Không miễn cán và cẩn trọng hợp lý để hoàn thành trách nhiệm được giao.

2. Công ty sẽ bồi thường cho các thành viên Hội đồng Quản trị, các cán bộ quản lý Công ty, nhân viên hoặc đại diện của Công ty trong trường hợp họ bị khiếu nại, kiện, khởi tố dân sự hoặc hành chính, khi thực thi nhiệm vụ của Công ty hay các đơn vị thành viên của Công ty với điều kiện là họ đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán, vì lợi ích của Công ty và tuân thủ luật pháp. Chi phí bồi thường sẽ bao gồm: chi phí thuê luật sư, chi phí xét xử, tiền phạt và các khoản chi phí hợp lý phát sinh. Các chi phí này sẽ được Hội đồng Quản trị xem xét chấp thuận.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

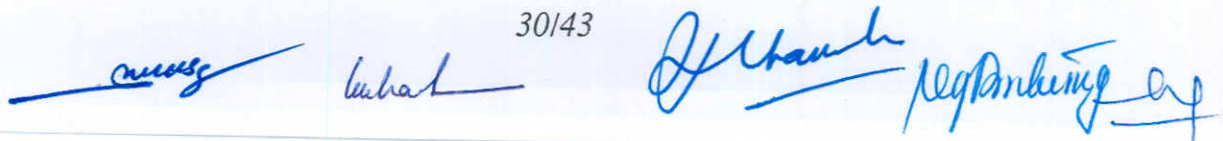
Điều 31. Bầu Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty do Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín và có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, số lượng thành viên Ban Kiểm soát mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm theo nhiệm kỳ Hội đồng quản trị và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại vào Hội nghị Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

2. Trong số các thành viên Ban Kiểm soát, ít nhất phải có một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải thoả mãn các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- a) Có trình độ học vấn từ đại học trở lên.
- b) Có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuộc phạm vi ngành nghề của Công ty.



c) Có hiểu biết về Pháp luật và các nội dung cơ bản hiện hành của Nhà nước về quản lý sản xuất và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp.

d) Từ 21 tuổi trở lên, có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

đ) Trưởng Ban Kiểm soát phải là cổ đông của Công ty có sở hữu tối thiểu không phải năm phần trăm (0,5%) vốn điều lệ của Công ty hoặc là đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát không nhất thiết là cổ đông hoặc là người lao động của Công ty.

e) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty.

4. Những người không được làm thành viên Ban Kiểm soát: Vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

5. Ứng cử và đề cử thành viên Ban Kiểm soát.

a) Cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền ứng cử, đề cử người vào Ban Kiểm soát.

b) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Ban kiểm soát. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trên mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được quyền đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên thì được đề cử ba (03) thành viên.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như bầu HĐQT (quy định tại khoản 6 Điều 20 Điều lệ này).

Điều 32. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm soát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh

hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp.

5. Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định và bãi nhiệm đơn vị kiểm toán, mức phí kiểm toán. Thảo luận với đơn vị kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi tiến hành kiểm toán. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà đơn vị kiểm toán muốn bàn bạc. Thẩm định ý kiến của đơn vị kiểm toán và ý kiến phản hồi.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ các thông tin cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng



sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng thành viên Ban Kiểm soát giảm so với quy định tại khoản 1 Điều 31 của Điều lệ này thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong Hội nghị Đại hội cổ đông gần nhất. Trường hợp thiếu kiểm soát viên và các kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

3. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

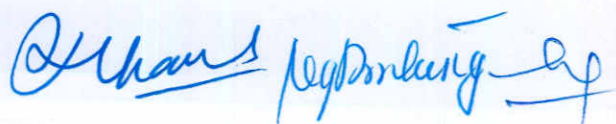
- a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- c) Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- d) Phân công công việc cho các kiểm soát viên phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát mỗi năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

5. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát nhưng phải họp tối thiểu bốn (04) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp phải là trên năm mươi phần trăm (50%) số lượng thành viên Ban Kiểm soát.

6. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Bị mất năng lực pháp lý;
- b) Có bằng chứng chuyên môn chứng minh thành viên đó mất năng lực hành vi;
- c) Có chứng cứ chứng minh không trung thực, vô tổ chức kỷ luật, tham nhũng hoặc lợi dụng chức danh công việc cầu lợi riêng.
- d) Thành viên Ban Kiểm soát không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian mười hai (12) tháng liên tục mà không được phép của Ban Kiểm soát;
- đ) Thành viên Ban Kiểm soát xin từ chức bằng văn bản và gửi Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông gần nhất.



e) Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ trên đây, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 34. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, yêu cầu bằng văn bản được kiểm tra danh sách cổ đông, biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó trong giờ làm việc và tại Trụ sở chính của Công ty; trường hợp người khác được uỷ quyền phải xuất trình giấy uỷ quyền khi đi kiểm tra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty có liên quan trực tiếp đến việc thực thi nhiệm vụ của mình, nhưng phải bảo mật các thông tin này.

3. Giám đốc công ty phải tổ chức lưu Điều lệ Công ty và các bản sửa đổi bổ sung, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông và họp Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các loại tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu đó.

4. Điều lệ Công ty phải được đưa lên Website của Công ty. Cổ đông không có điều kiện truy cập Website của Công ty có quyền yêu cầu Công ty cung cấp một bản in Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XII TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN

Điều 35. Tổ chức Đảng, Đoàn thể và Công nhân viên

1. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước CHXHCNVN và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

2. Công ty bảo đảm các quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo các quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 36. Cổ tức

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty hàng năm sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo mức do Hội đồng Quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Trừ các loại cổ phần có kèm theo quyền hoặc các loại cổ phần có các điều kiện phát hành quy định khác, cổ tức sẽ được chi trả theo tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu mà cổ đông đang nắm giữ trong thời gian chi trả cổ tức.

4. Tại thời điểm chi trả cổ tức, nếu cổ đông chưa đến nhận thì Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.

5. Cổ tức có thể được chi trả toàn bộ hoặc từng phần bằng tài sản khác như cổ phiếu hoặc trái phiếu, v.v của Công ty. Việc chi trả cổ tức bằng tài sản khác phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.

6. Các Chi nhánh Công ty là đơn vị hạch toán phụ thuộc phải đảm bảo lợi tức theo quy định của Công ty.

7. Cổ tức phải được chi trả tính theo Đồng Việt Nam và có thể chi trả bằng tiền mặt, séc, lệnh chuyển tiền hoặc theo yêu cầu hợp lý của cổ đông. Đối với cổ phiếu đã niêm yết, cổ tức sẽ được thanh toán theo quy trình và quy định của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

8. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần của chính Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải lập phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị quyết định ngày khoá sổ cổ đông để chi trả cổ tức và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp cho các cổ đông biết. Chỉ những cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày khoá sổ mới có quyền nhận cổ tức. Ngày khoá sổ cổ đông phải trước ngày thực hiện chi trả cổ tức. Việc khoá sổ cổ đông phải đảm bảo không ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông khi chuyển nhượng cổ phiếu.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 37. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật hiện hành để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
2. Nếu được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

Điều 38. Trích lập các quỹ

Lợi nhuận thực hiện hàng năm, sau khi bù lỗ năm trước (nếu có), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trả cổ tức cho cổ đông, trích quỹ dự phòng tài chính (bằng 5% lợi nhuận sau thuế và trích đến khi quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ Công ty). Phần còn lại trích cho các quỹ do Hội đồng Quản trị trình Hội nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
- Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành
- Các quỹ khác nếu có.

Điều 39. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 40. Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.
4. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng Quản trị, Ban



Kiểm soát xem xét.

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm:

- a) Các báo cáo tài chính
- b) Báo cáo thẩm tra của Ban Kiểm soát về báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty;
- d) Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức...

CHƯƠNG XV CON DẤU

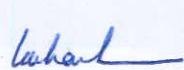
Điều 41. Con dấu

1. Công ty sử dụng con dấu chính thức của Công ty theo quy định của Bộ Công an. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký tại Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc Công ty ký và đóng dấu Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng Quy định về việc sử dụng con dấu trong Công ty do Hội đồng Quản trị ban hành.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY

Điều 42. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định



giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của Pháp luật hiện hành.

Điều 43. Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông

Tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông nếu ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận thì Công ty bị giải thể, nếu một trong các trường hợp sau đây xảy ra:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định;
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Các cổ đông bất đồng nội bộ và các phe phái trong cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể Công ty được coi là phương án có lợi nhất cho toàn thể cổ đông.

Điều 44. Thanh lý công ty

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ đơn vị Kiểm toán. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý nếu không có quy định khác của Pháp luật sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên Công ty;
- c) Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XVII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa:

a) Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty;

b) Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty, thì các bên liên quan trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp không liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ và tổ chức Công đoàn làm trọng tài giải quyết tranh chấp.

2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài Kinh tế hoặc Toà án Kinh tế để giải quyết; trong trường hợp này, Giám đốc Công ty sẽ là đại diện trước Pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra toà xét xử thì Toà án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 46. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

a) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua khi nếu được ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận

b) Những nội dung của Điều lệ được ghi vào Đăng ký kinh doanh: Vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp... khi có nghị quyết hợp pháp về từng nội dung trên sẽ mặc nhiên là nghị quyết thay đổi Điều lệ ở những nội dung đó.

2. Trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan chưa được đề

cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của Pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong Điều lệ này, thì những quy định của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC

Điều 47. Ngày hiệu lực, sao trích Điều lệ

1. Điều lệ này được Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất năm 2010 họp ngày 29 tháng 04 năm 2010 tại Hà Nội thông qua, Điều lệ gồm mười chín Chương và bốn mươi tám (48) Điều và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại Công ty và nộp cho các cơ quan chức năng theo quy định.

3. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc chữ ký ít nhất của hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

Điều 48. Chữ ký của các Thành viên Hội đồng Quản trị



Nguyễn Công Thắng

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Mạnh Hùng

Phan Hoài Thanh

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	2
CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Định nghĩa	3
CHƯƠNG II TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
CHƯƠNG III LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 3. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và mục tiêu của công ty	5
CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 4. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập.....	7
Điều 5. Cổ phiếu.....	8
Điều 6. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 7. Thừa kế cổ phần	9
Điều 8. Thu hồi Cổ phần	9
CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm:	10
CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty.....	10
Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông	11
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông và Hội nghị Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 13. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 14. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	13
Điều 15. Đại diện được ủy quyền.....	14
Điều 16. Triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Hội nghị và Thông báo về Hội nghị	15
Điều 17. Tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông và Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	16
Điều 18. Biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Thông qua Nghị quyết bằng văn bản.....	18
CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 20. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị	20

Điều 21. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 22. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	21
Điều 23. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 24. Họp Hội Đồng Quản trị.....	24
CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	26
Điều 25. Tổ chức bộ máy quản lý.....	26
Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty	26
Điều 27. Thư ký Công ty	28
CHƯƠNG IX TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY.....	29
Điều 28. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cán bộ quản lý Công ty	29
Điều 29. Tránh xung đột về quyền lợi.....	29
Điều 30. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	30
CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT.....	30
Điều 31. Bầu Ban Kiểm soát	30
Điều 32. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	31
Điều 33. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát.....	32
CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
Điều 34. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	34
CHƯƠNG XII TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN	34
Điều 35. Tổ chức Đảng, Đoàn thể và Công nhân viên	34
CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	35
Điều 36. Cổ tức.....	35
CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	36
Điều 37. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 38. Trích lập các quỹ	36
Điều 39. Năm tài chính.....	36
Điều 40. Hệ thống Kế toán	36
CHƯƠNG XV CON DẤU.....	37
Điều 41. Con dấu.....	37
CHƯƠNG XVI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY.....	37
Điều 42. Chấm dứt hoạt động.....	37
Điều 43. Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông	38
Điều 44. Thanh lý công ty	38

CHƯƠNG XVII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	39
Điều 46. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	39
CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC.....	40
Điều 47. Ngày hiệu lực, sao trích Điều lệ	40
Điều 48. Chữ ký của các Thành viên Hội đồng Quản trị	40



